

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN QUỲ CHÂU

TỈNH NGHỆ AN

Bản án số : 54 /2017/ HSST

Ngày : 23/11/2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Lô Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Sầm Văn Dương.

2. Ông Hà Văn Hải.

*Th- ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : ông Tăng Thành V- ơng - Cán bộ
Toà án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia
phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.*

Ngày 23/11/2017 , tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 59/2017/HSST ngày 01/11/2017 đối với các bị cáo:

1, Lữ Văn K - Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1996 tại C, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản K, xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Trình độ văn hóa: Lớp 4.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Thái – Tôn giáo: Không – Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lữ Văn C và bà: Lò Thị Đ.

Vợ; con: Không.

Tiền án , tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 20/8/2017.

Có mặt tại phiên tòa.

2, Vi Văn Đ – Tên gọi khác: Không.

Sinh năm 1996 tại huyện C, tỉnh Nghệ An.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản H, xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Trình độ văn hóa: Lớp 9.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Dân tộc: Thái – Tôn giáo: Không – Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Vi Văn M và bà: Lữ Thị L.

Vợ; con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 20/8/2017.

Có mặt tại phiên tòa.

-Người bào chữa cho bị cáo Vi Văn Đ: Bà Nguyễn Thị T – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An – Chi nhánh số 2.

Có mặt tại phiên tòa.

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lò Thị Đ, sinh năm 1961.

Nơi cư trú: Bản K, xã H, huyện C, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Lữ Văn K và Vi Văn Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Sáng ngày 20/8/2017, Lữ Văn K và Vi Văn Đ đi xe máy biển kiểm soát 37K9-1235 từ xã H lên Trung tâm y tế huyện C thăm người nhà của K đang điều trị bệnh tại Trung tâm y tế. Do K là người nghiện chất ma túy và muốn đi tìm mua ma túy để sử dụng nên K nói với Đ là chờ K để K đi lấy đồ. Đ gắng hỏi thì K nói đi mua hê rô in, Đ nói với K cho Đ đi cùng và được K đồng ý. Đ điều khiển xe chở Khỏi đến Bến xe C thì K nói Đ rẽ vào cây xăng vật tư nông nghiệp và nói Đ ở đó chờ. K đi bộ theo Quốc lộ 48, đi cách nơi Đ chờ khoảng 30 m thì gặp một người đàn ông K không biết tên và địa chỉ và mua với người đó một gói hê rô in với giá là 200.000,đ. Sau khi mua được hê rô in thì K quay lại nơi Đ đang chờ và nói với Đ “Được rồi, xuống đi”, Đ biết K đã mua được hê rô in và Đ điều khiển xe máy chở K đi về, khoảng 07 giờ 40 phút cùng ngày khi đến Cầu Đồng Minh thuộc khối 4, thị trấn L, huyện C thì Công an thị trấn Tân Lạc yêu cầu dừng xem kiểm tra hành chính thì K ngồi sau xe đã thả gói ma túy mới mua được xuống đường. Công an thị trấn Tân Lạc đã lập biên bản thu giữ một gói chất bột trắng nghi hê rô in, một xe máy biển kiểm soát 37K9-1235 và đưa Lữ Văn K và Vi Văn Đ về trụ sở điều tra làm rõ.

Tại bản kết luận giám định số 926/KL-PC54(MT) ngày 26/8//2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Mẫu chất bột màu trắng ghi thu của Lữ Văn K và Vi Văn Đ gửi tới giám định là chất ma túy (Hê rô in). Chất bột màu trắng (01 gói) thu giữ của Lữ Văn K và Vi Văn Đ có trọng lượng là 0,210 gam.

Cáo trạng số 58/VKS-HS ngày 01/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An truy tố Lữ Văn K và Vi Văn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo khoản 1 điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 194; điểm p khoản 1 điều 46 BLHS, điều 20 BLTTHS, nghị quyết số:41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; Công văn 256/TANDTC-PC ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn thi hành khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; Khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ đối với các bị cáo khi quyết định hình phạt. Đề nghị xử phạt bị cáo

Lữ Văn K từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù. Bị cáo Vi Văn Đ từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

Do các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a,b khoản 2 điều 76 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 0,2 gam hê rô in. Trả lại cho bà Lò Thị Đ một chiếc xe máy biển kiểm soát 37K9-1235.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vi Văn Đ: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Vi Văn Đ. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại khoản 2 điều 46 của Bộ luật hình sự đó là: Bị cáo Vi Văn Đ là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên ở huyện miền núi có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bản thân bị cáo trình độ văn hóa thấp dẫn đến nhận thức pháp luật của bị cáo hạn chế, do nhận thức hạn chế nên khi biết bị cáo Lữ Văn K đi mua ma túy thì bị cáo Đ mới dùng phương tiện chở bị cáo K đi mua ma túy, bị cáo phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức. Ngoài ra do chính sách pháp luật của nhà nước có sự thay đổi cho phù hợp với tình hình kinh tế xã hội hiện nay, tại khoản 1 điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt nhẹ hơn quy định tại khoản 1 điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, do đó đề nghị căn cứ vào cứ nghị quyết số:41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; Công văn 256/TANDTC-PC ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn thi hành khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; Khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo khi quyết định hình phạt. Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 194, điểm p khoản 1 điều 46, khoản 2 điều 46, điều 33, điều 53 của Bộ luật hình sự. Khoản 3 điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị xử phạt Vi Văn Đ 01 (Một) năm tù.

Bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn, hiện tại đang sống cùng với mẹ. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, lời khai của các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận: Sáng ngày 20/8/2017, Lữ Văn K mượn xe máy của mẹ là bà Lò Thị Đ và cùng với Vi Văn Đ đi lên Trung tâm y tế huyện C để thăm bà ngoại của K đang nằm điều trị bệnh. Khi đến Trung tâm y tế C do bị cáo K là người nghiện chất ma túy nên đã nói với Vi Văn Đ ở đó chờ để K đi lấy đồ. Do Đ gặng hỏi nên K nói là đi tìm mua hê rô in để sử dụng và Đ đòi đi cùng nên K đồng ý. Đ là người điều khiển xe chở K đến cây xăng vật tư nông nghiệp ở thị trấn L, K nói với Đ đứng đó chờ còn K đi bộ ngược lại khoảng 30 m thì K đã gặp một người đàn ông K không biết tên và địa chỉ mua với người đó một gói hê rô in với giá là 200.000,đ, sau khi mua được thì K quay lại nơi Đ đang chờ và nói với Đ là đi về, khi Đ chở k đi qua cổng Công an huyện C thì Đ mới biết là K đã mua được ma túy vì K nói mua được 200.000,đ nhưng còn bị chủ. Đ biết K đã mua được hê rô in nhưng vẫn điều khiển xe chở K đi

về, trên đường về thì bị Công an thị trấn Tân Lạc bắt giữ, thu giữ một gói hê rô in có trọng lượng 0,210 gam. Mục đích của K là mua số hê rô in trên để sử dụng.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng đã thu giữ đ-ợc và kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An. Hành vi của Lữ Văn K mua hê rô in với mục đích để sử dụng cho bản thân, trọng lượng hê rô in bị cáo mua để sử dụng là 0,210 gam. Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 194 của Bộ luật hình sự.

Đối với Vi Văn Đ biết Lữ Văn K đi mua hê rô in, Đ không góp tiền với K để mua hê rô in, nhưng Đ là người dùng phương tiện xe máy chở K đi mua hê rô in. Khi biết K đã mua được hê rô in thì Đ tiếp tục dùng phương tiện xe máy chở K đi về, trên đường về thì bị bắt giữ, hành vi của Vi Văn Đ là đồng phạm với Lữ Văn K, do đó Đồng cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, ma túy là chất gây nghiện do Nhà nước thống nhất quản lý. Bị cáo K là đối tượng nghiện chất ma túy nên nhận thức được về tác hại của việc sử dụng ma túy đối với sức khỏe và sự phát triển nòi giống con ng-ời, làm băng hoại đạo đức xã hội, ngoài ra còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Trong vụ án này bị cáo K là người khởi xướng và là người trực tiếp mua ma túy do đó phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Do đó cần xét xử nghiêm đối với bị cáo và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo cải tạo giáo dục trở thành người sống có ích cho xã hội và có điều kiện để bị cáo cai nghiện và từ bỏ ma túy. Đối với Vi Văn Đ khi biết K đi mua ma túy để sử dụng đáng lẽ ra bị cáo phải ngăn chặn hành vi của K, nhưng Đ lại cùng ý chí với K và dùng phương tiện chở K đi mua ma túy, khi biết K đã mua được ma túy nhưng Đ vẫn dùng phương tiện để chở K cùng ma túy đi về. Như vậy Đ phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức. Do đó cũng cần xét xử nghiêm tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện và cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người sống có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ biết ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 BLHS. Ngoài ra do chính sách hình sự của Nhà N-ớc ta có thay đổi, tại khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đ-ợc Quốc Hội thông qua ngày 27/11/2015, quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có mức hình phạt từ 1 đến 5 năm tù so với khoản 1 điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” có mức hình phạt từ 2 đến 7 năm tù. Bộ luật hình sự năm 2015 ch- a có hiệu lực thi hành, nh- ng đây là quy định có lợi cho ng-ời phạm tội. Căn cứ nghị quyết số: số:41/2017/QH 14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14; Công văn 256/TANDTC-PC ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn thi hành khoản 2 điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14; Khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét giảm

nhẹ đối với bị cáo khi quyết định hình phạt. Đối với Vi Văn Đ phạm tội với vai trò là đồng phạm giúp sức do đó áp dụng điều 47 của Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Khoản 5 điều 194 của Bộ luật hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã thu tại các bị cáo 0,210 gam hê rô in, quá trình điều tra đã trích 0,01 gam lấy mẫu giám định, còn lại 0,20 gam đây là vật cấm l-u hành. Áp dụng điểm a khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 37K9-1235. Đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà Lò Thị Đ (Mẹ của bị cáo K) cho bị cáo mượn và không biết bị cáo đưa đi mua ma túy. Bà Đ yêu cầu được trả lại là có căn cứ. Áp dụng điểm b khoản 2 điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bà Lò Thị Đ.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Lữ Văn K và Vi Văn Đ phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Áp dụng khoản 1 điều 194, điểm p khoản 1 điều 46, điều 33, điều 53 Bộ luật hình sự. Xử phạt Lữ Văn K 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/8/2017.

Áp dụng khoản 1 điều 194, điểm p khoản 1 điều 46, điều 47, điều 33, điều 53 Bộ luật hình sự. Xử phạt Vi Văn Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 20/8/2017

- Vật chứng vụ án: Áp dụng các điểm a,b khoản 2 điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 0,20 gam hê rô in. Trả lại cho bà Lò Thị Đ một xe máy biển kiểm soát 37K9-1235. Chi tiết các vật chứng được phản ánh tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Quỳnh Châu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu lập ngày 01/11/2017.

-,Án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo Lữ Văn K, Vi Văn Đ phải chịu án phí HSST mỗi bị cáo là 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng).

-Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Châu;
- CA huyện Quỳnh Châu;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lô Xuân Diệu

